**Phân tích Tỏ lòng - Mẫu 5**

Phạm Ngũ Lão (1255-1320), quê ở làng Phù Ủng, huyện Đường Hào nay là huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên. Là người có đóng góp to lớn trong cả hai cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông xâm lược, là phụ tá đắc lực dưới trướng của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, được Trần Quốc Tuấn yêu mến và gả con gái nuôi cho. Tuy là người theo nghiệp nhà binh thế nhưng Phạm Ngũ Lão cũng lại là người rất mê thơ văn, ca từ thi phú, có nhiều am hiểu sâu sắc về lĩnh vực này, chính vì thế ông thường được người đời ca tụng là vị tướng văn võ toàn tài. Phạm Ngũ Lão có nhiều tác phẩm hay, tuy nhiên do sự biến đổi của lịch sử mà bị thất lạc gần hết, nay chỉ còn lại Tỏ lòng (Thuật Hoài) và Viếng Thượng tướng Quốc công Hưng Đạo Đại Vương. Trong đó Tỏ lòng là bài thơ khá nổi tiếng, nằm trong quy phạm chung nhất “Văn dĩ tải đạo, thi dĩ ngôn chí”, thể hiện được khí phách nam nhi trong đất trời, đặc biệt là trước viễn cảnh đất nước lâm nguy, để lại bài học sâu sắc cho các thế hệ muôn đời sau.

Tỏ lòng được viết vào khoảng năm 1284, ngay trước khi cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên lần thứ hai diễn ra, trong bối cảnh Phạm Ngũ Lão và một số vị tướng tài khác được triều đình cử đi canh giữ biên giới phía Bắc, đề phòng sự tấn công bất ngờ của quân địch.

Bài thơ chỉ vỏn vẹn 4 câu thơ 7 chữ, trong đó ở hai câu thơ đầu tiên tác giả đã tái hiện lại một cách ngắn gọn và đầy đủ hình ảnh và hào khí của con người cũng như quân đội thời Trần với những thủ pháp nghệ thuật ẩn dụ đặc sắc.

*“Hoành sóc giang sơn kháp kỉ thu
Tam quân tì hổ khí thôn ngưu”*

Dịch nghĩa:

*“Cầm ngang ngọn giáo gìn giữ non sông đã mấy thu
Ba quân như hổ báo, khí thế hùng dũng nuốt trôi trâu”*

Thứ nhất nói về hình ảnh con người thời Trần, tác giả đã gợi mở ra một bối cảnh không gian và thời gian rộng lớn, đồng thời dưới triều Trần, một triều đại có nhiều biến động, liên tục phải đối mặt những đội quân hùng mạnh nhất thế giới thời bấy giờ, càng làm cho vẻ đẹp của con người thêm đặc sắc và rõ nét hơn cả. Phạm Ngũ Lão lấy hai chữ “giang sơn” để mở ra không gian địa lý của đất nước, đây là một từ ghép rất hay, “giang” tức chỉ sông cũng tượng trưng cho đất, “sơn” tức chỉ núi cũng tượng trưng cho trời, như vậy ghép lại có nghĩa là sông núi. Có thể nói rằng hai từ này hoàn toàn bao quát được viễn cảnh đất nước ta, một đất nước nhiều sông, cũng lắm núi non, tạo nên một khung cảnh rộng lớn, bao la và tươi đẹp bởi sự dung hòa giữa hai yếu tố trời đất. Bên cạnh yếu tố không gian, thì yếu tố thời gian cũng được tác giả vạch ra thông qua ba từ “kháp kỷ thu”, tức là đã mấy thu, thể hiện một quãng thời gian dài, rộng, ẩn dụ về bề dày lịch sử của dân tộc, của đất nước. Trên cái nền không gian và thời gian bao la, dài rộng như thế hình tượng con người Đại Việt đã hiện lên một cách nổi bật và hiên ngang với khí thế mạnh mẽ trong hai từ “hoành sóc”, “hoành” trong tung hoành còn sóc tức là ngọn giáo dài, vốn là loại vũ khí kinh điển trong các cuộc chiến của quân đội. Tổng ý cả câu thì Phạm Ngũ Lão muốn gợi ra hình ảnh người dân Đại Việt đã cầm ngang ngọn giáo canh giữ non sông trải qua mấy mùa thu, đã trở thành truyền thống, là hình ảnh có ý nghĩa biểu tượng cho vẻ đẹp của con người thời Trần. Hình tượng con người cầm ngang ngọn giáo, cho ta thấy được những phẩm chất quý giá, sự kiên cường, bền bỉ, anh dũng trong chiến đấu. Tầm vóc của nhân dân cũng trở nên vĩ đại, sánh ngang với trời đất, trong khí thế mạnh mẽ, sẵn sàng tung hoành ngang dọc, diệt quân thù bằng ngọn giáo cầm chắc trong tay.

Đặc biệt trong bối cảnh đất nước đứng trước sự xâm phạm của giặc thù, Phạm Ngũ Lão lại được điều đi nhận mệnh trấn giữ biên cương, thì hình tượng người anh hùng cầm ngang ngọn giáo canh giữ cho đất nước lại càng trở nên oai hùng và hợp với mạch cảm xúc trong thơ. Trong bản dịch của Bùi Văn Nguyên câu “Múa giáo non sông trải mấy thu”, đọc rất thuận miệng, thế nhưng đáng tiếc từ “múa giáo” lại chỉ đem đến cái “mỹ” mà không hoàn toàn lột tả được tính kiêu hùng trong hai từ “hoành sóc”, thành thử làm cho câu thơ mất đi cái ấn tượng về tầm vóc kỳ vĩ, bao trọn cả non sông của con người.

Sánh với hình tượng con người, thì hình tượng quân đội thời Trần cũng hiện lên với những hình ảnh ẩn dụ, so sánh đẹp và đầy hào khí trong câu thừa đề. Phạm Ngũ Lão dùng từ “Tam quân” tức là chỉ ba đạo quân chính thống trong tổ chức quân sự của ta, bao gồm tiền quân, trung quân và hậu quân, hoặc nếu chia theo 3 cánh quân thì có tả quân, trung quân và hữu quân. Hình ảnh tập hợp này nhằm mục đích gợi ra sự đoàn kết một lòng của quân đội ta trong chiến đấu, đồng thời cũng chỉ sự hùng mạnh, khí thế chiến đấu sôi nổi và sự chuẩn bị sẵn sàng cho công cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc ta. Cả câu “Tam quân tì hổ khí thôn Ngưu” nhằm nhấn mạnh, sự uy vũ, hùng mạnh của quân đội thời Trần, trong đó ta có thể diễn giải theo hai ý. Một là ba quân có sức mạnh tựa như hổ, báo mạnh mẽ nuốt trôi con trâu lớn, hai là sức mạnh của quân đội thời Trần mang tầm vóc kỳ vĩ lấn át cả ngôi sao Ngưu trên trời cao - Ngôi sao sáng nhất trong chòm sao Thiên Ưng. Với cách hiểu thứ hai, ta có thể nhận thấy một niềm cảm hứng lãng mạn hiếm thấy trong thi ca trung đại đến từ một võ tướng, không chỉ đem đến sự uyển chuyển trong thi ca, mà còn góp phần nâng đỡ vẻ đẹp hào khí của quân đội nhà Trần với cái tên gọi kinh điển “hào khí Đông A”.

Sau hai câu đề dùng nói về hào khí và vẻ đẹp chung của cả dân tộc thì đến hai câu chuyển và hợp tác giả chuyển sang bày tỏ nỗi lòng, tâm tư nguyện vọng của mình, đồng thời đây cũng chính là nội dung mà tác giả muốn mở ra trong bài, tập trung khai thác về chí nam nhi, về món nợ sông núi mà bản thân đang còn mang nặng, thể hiện những vẻ đẹp cao quý trong tâm hồn của Phạm Ngũ Lão.

*“Nam nhi vị liễu công danh trái
Tu thính nhân gian thuyết Vũ hầu”*

Dịch nghĩa:

*Thân nam nhi mà chưa trả xong nợ công danh
Thì luống thẹn thùng khi nghe người đời kể chuyện Vũ hầu”*

Như vậy với hai câu thơ này ta có thể nhận rõ quan điểm “nhập thế tích cực” của Phạm Ngũ Lão, rằng phận nam nhi sinh ra đã mang trên mình món nợ công danh, và phải luôn nỗ lực cố gắng hết sức dùng tài trí của mình để đóng góp, xây dựng đất nước, trả cho kỳ được món nợ công danh. Trong đó một trong những biểu hiện rõ nhất của quan niệm này đó là việc ứng thí khoa cử của hàng vạn sĩ tử mỗi năm, trong đó điển hình chúng ta vẫn thường nghe nhắc tới Trần Tế Xương với 8 lần theo đuổi khoa cử, thất bại mà không hề nản chí. Phạm Ngũ Lão chính là một trong số những người chịu ảnh hưởng sâu sắc của quan niệm nhập thế tích cực, mặc dù ông không ra kinh ứng thí, thế nhưng ông đã chọn một cách trả nợ công danh khác đó là theo đuổi con đường tòng quân, góp sức đánh đuổi giặc ngoại xâm, làm nên công trạng cho xứng với thân nam nhi. Có thể nói rằng quan điểm “nợ công danh” đã đem đến cho con người dưới các triều đại phong kiến trong lịch sử một mục đích sống, lý tưởng sống cao đẹp và đáng quý, hình thành trong con người tư thái và bản lĩnh biết phấn đấu làm nên công danh sự nghiệp và quan trọng nhất là góp phần xây dựng, phát triển đất nước ngày một vững mạnh trở thành rường cột của quốc gia.

Thế nhưng vẻ đẹp tâm hồn của Phạm Ngũ Lão không chỉ dừng lại ở chí làm trai hay món nợ công danh thông thường, mà nó còn được phát triển lên một tầm cao mới thông qua nỗi thẹn của ông khi nghe chuyện Vũ hầu. Phạm Ngũ Lão, nếu xét thấy thì cũng là người có công danh đề huề, coi như đã trả được món nợ công danh, thế nhưng khi đứng trước chuyện của Vũ hầu - Gia Cát Lượng, thì lại lấy làm xấu hổ bởi bản thân mình không thể đạt tới trình độ như tiền nhân, người đã một giúp Lưu Bị tranh đoạt giang sơn trong bối cảnh tam quốc. Tác giả tự thấy rằng chút công danh cỏn con của mình cũng chẳng thể sánh vào đâu so với cổ nhân, tự lấy thế làm thẹn, đồng thời cũng tự dặn lòng phải phấn đấu nhiều hơn nữa để trả cho đủ món nợ của nam nhi. Từ đó có thể thấy vẻ đẹp tâm hồn của Phạm Ngũ Lão hiện lên với hai nét chính ấy là ý chí, nỗ lực, mong muốn được đóng góp công sức xây dựng giang sơn, lập công danh sự nghiệp hiển hách và lý tưởng, khát khao trở thành một nhân vật lịch sự lỗi lạc tựa Gia Cát, lưu danh sử sách muôn đời.

Tỏ lòng của Phạm Ngũ Lão là một bài thơ tuy ngắn gọn nhưng lại mang nhiều ý nghĩa sâu sắc, trước hết là ca ngợi vẻ đẹp của con người và quân đội thời Trần, sau đó là khai mở ra bài học về món nợ công danh cho nam nhi khắp thiên hạ, đồng thời cũng thể hiện khát khao, lý tưởng và nhân cách cao đẹp của một nhà nho, nhà quân sự trên bước đường công danh, sao cho xứng với Tổ quốc dân tộc.